**TRƯỜNG THPT TRẦN NHÂN TÔNG ĐỀ CƯƠNG, HƯỚNG DẪN ÔN TẬP THI LẠI**

**TỔ NGỮ VĂN Môn: Ngữ văn 10**

**Năm học 2021 - 2022**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**- HS chú ý ôn lại các kĩ năng làm phần Đọc hiểu, gợi ý như sau:**

1. Xác định phong cách ngôn ngữ.

2. Các phương thức biểu đạt: miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh, nghị luận, hành chính - công vụ.

3. Xác định nội dung văn bản, chỉ ra được các từ ngữ, hình ảnh có trong VB.

4. Xác định được thông điệp hay bài học có ý nghĩa đối với bản thân sau khi đọc VB.

5. Xác định được thể thơ của VB.

6. Một số biện pháp tu từ và hiệu quả của BPTT đó trong văn bản.

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. So sánh vừa có tác dụng gợi hình, giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

- Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,… trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Điệp ngữ là cách dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý hoặc gây cảm xúc mạnh. Điệp ngữ còn có tác dụng thể hiện giọng điệu, âm điệu câu văn, câu thơ.

**PHẦN II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

***Đề 1.Cảm nhận 12 câu đầu đoạn trích “Trao duyên”, trích Truyện Kiều – Tác giả Nguyễn Du.***

***“ Cậy em em có chịu lời….còn thơm lây”***

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích

- Giới thiệu vị trí, nội dung đoạn thơ cần phân tích,

- Trích thơ

**II. Thân bài:**

**1.Tóm lược nội dung đoạn trước ( xuất xứ đoạn trích)**

**2. Nội dung đoạn trích:** **Thúy kiều tìm cách trao duyên cho Thúy Vân**

**a.  *T.Kiều thuyết phục T.Vân bằng ngôn ngữ, hành động (2 câu đầu):***

 *“Cậy em em có chịu lời,…Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.”*

- Ngôn ngữ: +“Cậy” là nhờ vả với tất cả niềm tin tưởng, trông mong.

 +“ Chịu” là nhận về mình trách nhiệm, sự thiệt thòi.

-> Ngôn ngữ nài nỉ, ràng buộc khiến Vân không thể từ chối.

- Hành động “ngồi – lạy – thưa”: mức độ tăng tiến dần. Thái độ lạy thưa cung kính. Hành động có phần nghịch lý vì Kiều là chị mà phải lạy thưa cung kính với em nhưng lại hợp lý bởi hành động đó như báo hiệu mức độ hệ trọng của việc nhờ cậy, đồng thời thể hiện sự biết ơn của Kiều đối với Vân.

Trong không khí trang nghiêm, Kiều đắn đo cân nhắc từng lời nói cử chỉ để thuyết phục em, chứng tỏ Kiều rất khéo léo, thông minh.

***b. T.Kiều thuyết phục T.Vân bằng sự đồng cảm, chia sẻ (6 câu tiếp):***

*“Giữa đường đứt gánh tương tư….hai bề vẹn hai.”*

- Dùng thành ngữ “ giữa đường đứt gánh”: Tình yêu của Kiều và Kim Trọng phải dang dở vì tai họa bất ngờ ập đến gia đình.

- Điển tích “keo loan” và “tơ thừa mặc em”: Kiều đành phó thác cho em, nhờ em thay mình chắp mối duyên cùng Kim Trọng.

 🡪 Lời lẽ của Kiều vừa tế nhị, vừa chân thành gợi sự cảm thông.

- Kiều nhắc đến kỉ niệm tình yêu và biến cố gia đình:

*“Kể từ khi gặp chàng Kim…Hiếu tính khôn lẽ hai bề vẹn hai.”*

+ Nghệ thuật đối: giữa quá khứ tươi đẹp “ngày quạt ước, đêm chén thề” với hiện tại phũ phàng “sóng gió bất kỳ” -> Sự tiếc nuối khi mối tình với KT đang độ đẹp nhất, nồng nàn nhất thì cũng là lúc phải chia ly, tan vỡ.

+ Sóng gió ập đến với gia đình, Kiều phải hy sinh tình yêu để làm tròn chữ hiếu “Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai”.

🡪Kiều hy vọng em sẽ thấu hiểu và chia sẻ cùng mình

***c. T.Kiều thuyết phục T.Vân bằng tình chị em, gia đình(2 câu tiếp)***

*“Ngày xuân em hãy còn dài,..Xót tình máu mủ thay lời nước non”*

+ T. Vân còn trẻ “ ngày xuân còn dài”, còn nhiều cơ hội tìm kiếm hạnh phúc cho mình.

-> Kiều hiểu và biết ơn sự hi sinh của Vân khi chấp nhận lời trao duyên này.

+ Vì tình chị em ruột thịt “ tình máu mủ” mà thay Kiều trả nghĩa trăm năm cho chàng Kim “thay lời nước non” ->lời khẩn cầu tha thiết.

***d. Tấm lòng biết ơn của T.Kiều với T. Vân ( 2 câu cuối***)

*“Chị dù thịt nát xương mòn….còn thơm lây”*

+ Kiều dù có chết cũng được an ủi “thơm lây” vì không bị mang tiếng là kẻ phụ nghĩa với Kim Trọng.

+ Câu thơ vận dụng lối nói dân gian giàu sức thuyết phục thể hiện sự biết ơn của Kiều đối với em.

-> Kiều dù đang trong hoàn cảnh tan nát lòng vẫn bộc lộ sự khéo léo, tế nhị. Lời lẽ thuyết phục của Kiều vừa thấu tình đạt lí vừa gợi sự cảm thông sâu sắc khiến Vân không thể chối từ. Đoạn thơ cho thấy tài năng miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả Nguyễn Du.

**3. Tiểu kết**: nội dung, nghệ thuật, giá trị nhân đạo của đoạn trích, tác phẩm

**II. Kết bài:**

- Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn, tài năng nhân cách của Kiều khi trao duyên cho em

- Khẳng định tài năng nhân cách của tác giả khi thể hiện thành công đoạn trích

- Liên hệ bản thân, xã hội

**Đề 2:**

***Cảm nhận 8 câu cuối đoạn trích “ Trao duyên”*** ***”, trích Truyện Kiều – Tác giả Nguyễn Du.***

***“Bây giờ trâm gẫy…phụ chàng từ đây”***

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

- Giới thiệu nội dung, vị trí đoạn thơ cần phân tích.

- Trích thơ

**II. Thân bài:**

**1. Tóm lược nội dung đoạn trước.**

**2. Nội dung đoạn trích:**

***a. T.Kiều độc thoại nội tâm*:**

*“Bây giờ trâm gãy gương tan*

*Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân!”*

Sau khi trao duyên, Kiều như quên hẳn sự có mặt của Thúy Vân. Kiều độc thoại nội tâm hướng về Kim Trọng.

- Thành ngữ “trâm gẫy gương tan”: nhấn mạnh sự đổ vỡ không thể hàn gắn được -> Nỗi đau, bi kịch ở hiện tại của T.Kiều

- Nghệ thuật đối : hiện tại phũ phàng “trâm gẫy gương tan” với quá khứ tươi đẹp “muôn vàn ái ân”

-> Sự tiếc nuối, đau đớn xót xa của T.Kiều.

***b. T.Kiều tự trách mình phận bạc:***

- Hình ảnh ước lệ, so sánh: phận bạc như vôi, nước chảy hoa trôi, tơ duyên ngắn ngủi…

-> Nỗi bất hạnh ập đến bất ngờ, phi lý không thể lý giải được, chỉ biết trách trời, than trời bởi trót sinh ra là phận má hồng: “đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.

***c. T.Kiều hướng về Kim Trọng***

- Cách xưng hô “tình quân, Kim lang, thiếp-chàng”: lời lẽ tha thiết, thân mật như người vợ nói với chồng -> Tấm chân tình sâu nặng của Kiều với K.Trọng.

- Hành động “gửi, lạy”: lạy để tạ lỗi, lạy để tiễn biệt hay cũng có thể là vĩnh biệt.

-> Trong tận cùng của nỗi đau T.Kiều vẫn rất chu toàn, vẫn nghĩ về người khác, lo lắng cho người khác.

***d. T.Kiều đau đớn đến ngất đi (2 câu cuối):***

***“Ôi Kim lang!.... phụ chàng từ đây!”***

- Câu thơ nhiều thán từ “Ơi! Hỡi!Thôi thôi!”: nỗi đau đớn xót xa cùng cực của T.Kiều.

- Nhịp thơ 3/3 ở câu cuối như một tiếng nấc nghẹn ngào, trong khi đó, điệp từ “thôi” vừa thể hiện sự dằn vặt, vừa xác nhận sự phụ bạc, nhịp thơ ngân dài như một tiếng than vọng mãi không lời đáp, tiếng kêu cứu trong tuyệt vọng. Kiều vẫn tự trách mình phụ Kim Trọng khi mà nàng đã phải hi sinh tình yêu để làm tròn đạo hiếu và trước khi ra đi Kiều đã trao duyên cho Thúy Vân

 -> Kiều quả là cô gái giàu đức hi sinh và lòng vị tha, luôn đặt hạnh phúc của người mình yêu lên trên hết.

**3. Tiểu kết:**

 Đoạn trích kết lại bằng tiếng kêu xé lòng trong tột cùng đau đớn của Thúy Kiều khi nàng ý thức sâu sắc bi kịch tình yêu tan vỡ của mình. Kiều thương mình thì ít, thương cho chàng Kim thì nhiều. Nàng đã nhận hết mọi trách nhiệm của sự tan vỡ tình duyên về mình. Trong đau khổ tột cùng Kiều vẫn sáng lên vẻ đẹp của một nhân cách cao thượng: ân cần, chu đáo với Kim Trọng mà vẫn tự trách, nàng quên đi bất hạnh của mình để cảm thông cho người khác. Đây là giây phút độc thoại thật nhất, nhân bản nhất.

**III.Kết bài:**

 - Đoạn trích khắc hoạ những phẩm chất cao đẹp của Thúy Kiều: son sắt, thuỷ chung, giàu đức hi sinh, giàu lòng vị tha, quên mình vì hạnh phúc của người khác. Qua đoạn trích, Nguyễn Du đã tỏ ra thấu hiểu, cảm thông với những khổ đau và khát vọng tình yêu của nàng Kiều - Một con người vừa cao cả về mặt đạo đức, vừa nhân hậu về mặt con người.

– Tài năng bậc thầy của Nguyễn Du trong việc miêu tả nội tâm nhân vật (vừa sâu sắc, vừa phức tạp, vừa tinh tế), sử dụng ngôn từ chọn lọc, hàm súc đã được khẳng định qua đoạn trích).

***Đề 3:***

***Cảm nhận 8 câu thơ đầu trong đoạn trích “ Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”***

***( Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn, diễn Nôm: Đoàn Thị Điểm).***

***“Dạo hiên vắng…bóng người khá thương”***

**I. Mở bài :**

 - “Chinh phụ ngâm” nguyên văn chữ Hán do Đặng Trần Côn sáng tác đã được hóa thân kì diệu qua bản diễn Nôm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm có thể coi là một kiệt tác trong nền văn học Trung đại Việt Nam.

- Đoạn trích “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*” viết về tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, buồn khổ trong thời gian dài người chồng đi đánh trận mà không có tin tức.

- Câu thơ nào cũng đầy ắp tâm trạng nhớ nhung sầu muộn của nàng chinh phụ, nhất là tám câu đầu đoạn trích.

- Trích đoạn thơ: “***Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,***

 ***…***

 ***Hoa đèn kia với bóng người khá thương***.”

**II. Thân bài :**

Đoạn trích là nỗi than thở, cô đơn triền miên của người chinh phụ có chồng ra trận.

***1. Tâm trạng cô đơn, lẻ loi thể hiện qua hành động (2 câu đầu)***

“*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*

*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen”*.

- **Hành động** lặp đi lặp lại: dạo hiên vắng, buông kéo rèm trông ngóng tin xa.

- Thời gian khắc khoải --> nỗi nhớ mong triền miên vô vọng. Hết ngồi lại đứng, hết đứng lại đi, tâm trạng bồn chồn, buông rèm xuống lại kéo rèm lên, chỉ một mình một bóng giữa đêm khuya.

- **Nhịp thơ** chậm: thời gian ngưng đọng. Giữa không gian tịch mịch, tiếng bước chân như gieo vào lòng người âm thanh lẻ loi, cô độc.

+ Dáng thơ thẩn, ngao ngán, bề ngoài gầy gò, khắc sâu, hằn nếp nỗi đau trong nội tâm người chinh phụ.

+ Dáng vẻ buồn rầu, ủ ê không nói nên lời

--> Hành động vô nghĩa, bế tắc của người chinh phụ. Nỗi lòng không biết tỏ cùng ai.

***2 . Tâm trạng cô đơn, lẻ loi thể hiện qua ngoại cảnh (4 câu tiếp)***

“ *Ngoài rèm thước chẳng mách tin*

*…*

*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.”*

- Hình ảnh chim “thước”: loài chim báo tin -> tâm trạng chờ mong, trông ngóng.

- Từ phủ định “chẳng mách tin”: chờ mong trong vô vọng.

- Nghệ thuật đối: “ngoài rèm - trong rèm”: nỗi cô đơn bủa vây NCP ở mọi nơi, mọi lúc.

-> Người chinh phụ mong có người đồng cảm và chia sẻ tâm tình nhưng đáp lại là sự im lặng đến rợn người.

- Hình ảnh “đèn”:+ Gợi về thời gian, gợi nỗi nhớ “Đèn thương nhớ ai mà đèn không tắt”

 + Như người bạn để tâm sự, chia sẻ “Trong rèm…biết chăng?”

- Câu hỏi tu từ kết hợp với điệp ngữ bắc cầu: “Đèn có biết, Đèn biết chăng?”

-> NCP chỉ có ngọn đèn bầu bạn trong đêm khuya canh vắng nhưng ngọn đèn lại vô tri vô giác nên không thể tỏ bày. Tả đèn chính là để tả không gian mênh mông và sự cô đơn của NCP.

 --> Nội tâm của nhân vật gần như được lột tả trọn vẹn từ dáng vẻ bên ngoài đến những xáo trộn bên trong, đáp lại những mong mỏi của nàng chỉ có một sự im lặng, im lặng đến rợn người. Nàng không khóc mà ta như cảm được bao dòng lệ chứa chan tủi hờn đã cạn,đã thấm sâu vào nỗi buồn mênh mang không lối thoát.

**3.**  **Tâm trạng cô đơn, lẻ loi bộc lộ trực tiếp (2 câu cuối)**

*“ Buồn rầu nói chẳng nên lời*

*Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”*

- Tính từ “buồn rầu”: trực tiếp diễn tả tâm trạng NCP

- Hình ảnh “Hoa đèn - bóng người”: giàu sức gợi hình biểu cảm:

+ Gợi sự tàn lụi, héo úa -> sức tàn phá ghê gớm của thời gian làm thay đổi diện mạo NCP

+ Gợi bước đi của thời gian đêm chuyển dần về sáng .

 Nhìn ngọn đèn tàn bấc nàng chợt liên tưởng đến tình cảnh của mình. Một mình đối diện với nỗi đau của chính mình. Thương cho đèn rồi lại thương cho lòng mình bi thiết.

 **4. Tiểu kết**:

Không gian, thời gian, nghệ thuật, giá trị nhân đạo của đoạn trích.

  **III.Kết bài :**

- Đoạn thơ đã thể hiện một cách tinh tế các cung bậc sắc thái tình cảm khác nhau của nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ luôn khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phục lứa đôi.

- Chất nhạc lôi cuốn trong thơ song thất lục bát, khả năng lớn lao của tiếng Việt trên lĩnh vực trữ tình. Đoạn thơ giàu giá trị nhân văn, đã thể hiện sâu sắc và cảm động sự oán ghét chiến tranh phong kiến và niềm khao khát tình yêu,hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ giữa thời chiến tranh loạn lạc trong xã hội cũ.